TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm.

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân T; cư trú tại phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Danh C; cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Danh C tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Sau khi cưới, thì vợ, chồng chung sống tại địa chỉ phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Trong thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng nhiều không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh C không còn sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2019 đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị T và anh C có 01 con chung tên Danh Nguyễn Lộc P, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2019. Hiện tại cháu P đang sống cùng với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu được ly hôn với anh Danh C.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi cháu Danh Nguyễn Lộc P, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2019 cho đến khi tròn 18 tuổi. Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 298/TB-TLVA ngày 08 tháng 7 năm 2019, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Danh C, nhưng anh C không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh C trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng ý kiến, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung, giao cháu Danh Nguyễn Lộc P, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2019 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 745.000 đồng, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Xuân T, cư trú tại phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, anh Danh C, cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C, yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị T nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị T đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân T là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Danh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Danh C.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1990 và anh Danh C, sinh năm 1985 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 12 tháng 4 năm 2019 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Danh C là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân T, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị T, anh C hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, vợ, chồng thường hay cãi vã làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 4 năm 2019, thì chị T, anh C không còn sống chung cho đến nay và chị T, anh C đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị yêu cầu được nuôi con chung là cháu Danh Nguyễn Lộc P, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2019 đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay cháu P đều do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu P dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Danh Nguyễn Lộc P cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu P hàng tháng với mức cấp dưỡng 745.000 đồng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh Danh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Danh Nguyễn Lộc P, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2019 với mức cấp dưỡng hàng tháng 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi là đúng pháp luật.

[7] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Danh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh C không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Anh Danh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ vào điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, anh Danh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Danh C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Nguyễn Lộc P, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị Xuân T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Danh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh C không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Danh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Danh Nguyễn Lộc P, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2019 với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Xuân T là người đại diện hợp pháp của cháu Danh Nguyễn Lộc P là người đại diện nhận tiền cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0006290 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Nguyễn Thị Xuân T đã nộp xong án phí. Anh Danh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố cần Thơ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn